TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HS-ST
Ngày: 27-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi.

2. Ông Trương Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2023/HSST ngày 07 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Thị D, sinh ngày 23/5/1999, tại tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã T, huyện X, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: thôn C, xã N, huyện X, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12**;** Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Con ông Trần Hữu M và bà Vũ Thị T; có chồng là Phạm Quang H, có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/01/2023 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; Nơi cư trú: số nhà x, ngõ x, tổ x, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Bùi Thị T, sinh năm 1998, nơi cư trú số nhà x, ngõ x, tổ x, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình;

2. Ông Bùi Thế T, sinh năm 1968, nơi cư trú số nhà x, ngõ x, tổ x, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình;

3. Chị Bùi Thị M, sinh năm 1994; trú tại thôn L, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Bình

4. Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 12/4/2005.

5. Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 2002.

Đều trú tại: số nhà x, ngõ x, tổ x, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

5. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1976

6. Ông Trần Hữu M, sinh năm 1974

Đều cư trú tại: thôn C, xã N, huyện X, tỉnh Thái Bình.

(Những người làm chứng đều vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết với chị Bùi Thị T là con gái bà T nên D thường đến nhà bà T chơi và biết gia đình bà T có tiết kiệm tiền trong 01 con lợn màu đỏ làm bằng thạch cao để ở gầm bàn trong phòng thờ. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 12/12/2022, D đến nhà bà T chơi thì gặp chị Nguyễn Thị Lệ T (là cháu họ ở cùng gia đình bà T). Khoảng 15 phút sau, chị T đi ra chợ còn D ở nhà một mình. Do không có tiền tiêu sài nên D đã nảy sinh ý định trộm tiền trong con lợn bằng thạch cao của gia đình bà T. D đi vào phòng thờ cầm con lợn màu đỏ bằng thạch cao, kích thước khoảng (30x30) cm lên rồi thả xuống nền nhà làm con lợn vỡ ra thành nhiều mảnh, D nhặt toàn bộ số tiền có trong con lợn bỏ vào chiếc túi giả da màu đen của D còn mảnh vỡ của con lợn D cho vào trong một chiếc túi nilon màu trắng rồi điều khiển xe mang túi nilon đó ra khu vực đổ rác ở chợ Đ, thành phố T vứt. Sau đó D quay về nhà bà T thì thấy chị Nguyễn Thị Thu T (là cháu họ ở cùng gia đình bà T) vừa đi học về. D cùng T đi mua đồ tại đầu ngõ, sau đó quay về nhà bà T để ăn cơm. Khoảng 13 giờ cùng ngày, D mang theo túi xách đựng tiền trộm cắp cùng chị T, chị Bùi Thị M (là con gái của bà T) đến chợ B thuộc phường X, thành phố T để chị M mua đồ, đến 15 giờ cùng ngày thì quay về nhà bà Tr cùng ra chợ bán hàng cùng bà T. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, D điều khiển xe từ nhà bà T mang theo túi xách đựng tiền đã trộm cắp về nhà. Đến 21 giờ cùng ngày bà T mang tiền bỏ vào lợn thì phát hiện con lợn đã bị mất nên bà T gọi điện thông báo cho chị M biết. Đến khoảng 22 giờ D đến đón M về nhà bà T để xem camera xem ai đã lấy trộm tiền nhà bà T. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13/12/2022, D chở M về nhà rồi D cũng về nhà để ngủ, khi đi, về D mang theo chiếc túi xách đựng tiền trộm cắp đi theo. Khi về nhà, D lấy số tiền đã trộm được để trong túi xách ra, cất vào trong

ngăn kéo bàn trang điểm trong phòng ngủ của D rồi đi ngủ. Sáng hôm sau D lên bán hàng cùng chị T.

Chiều ngày 13/12/2022, bà T đến Cơ quan Công an để trình báo sự việc. Tại Cơ quan điều tra D đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.100.000 đồng gồm 06 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 07 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 07 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng là tiền D khai trộm cắp được trong con lợn màu đỏ làm bằng thạch cao tại nhà bà T.

- Kết luận giám định số 275/KL-KTHS ngày 03/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình: Mẫu gửi giám định quản lý của Trần Thị D gồm 20 tờ tiền gửi giám định đều là tiền thật.

- Kết luận giám định số 143/KL-KTHS ngày 24/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình và Phụ lục kèm theo: Trong thẻ nhớ gửi giám định có 07 tập tin video: Hiển thị thời gian từ 11 giờ 29 phút 00 giây đến 11 giờ 53 phút 00 giây ngày 12/12/2022 và không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa về nội dung hình ảnh;

Bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Thế T và chị Bùi Thị T đều khẳng định: Ngày 12/12/2022, bà T bị mất 01 con lợn đất màu đỏ bằng thạch cao. Trong lợn có đựng tiền tiết kiệm của bà T từ tháng 5/2022 đến thời điểm bị mất lợn ngày 12/12/2022 là 07 tháng, hàng ngày bà T tự tay hoặc đưa cho chị T, ông T nhưng chủ yếu là đưa chị T bỏ tiền vào lợn gồm các loại tiền mệnh giá 50.000 đồng; 100.000 đồng; 200.000 đồng và 500.000 đồng để tiết kiệm khi nào có việc gì lớn thì sử dụng. Trung bình mỗi tháng bà T bỏ vào lợn khoảng 6.000.000 đồng, tổng số tiền trong lợn khi bị mất khoảng 42.000.000 đồng, Nguồn gốc số tiền này là tiền lãi hàng ngày do bà T buôn bán mà có, bà T buôn bán hoa quả mỗi ngày bà lãi từ 1 đến 2 triệu đồng. Trước khi bị mất con lợn tiết kiệm trong gia đình không ai lấy tiền từ con lợn ra, con lợn cũng không có dấu hiệu bị cạy phá để lấy tiền.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Sau khi đập vỡ con lợn bị cáo lấy toàn bộ số tiền trong lợn cất vào túi xách màu đen của bị cáo. Bị cáo chưa sử dụng tiền trộm cắp để mua sắm hay làm bất kỳ việc gì, bị cáo mang theo túi xách đi chợ và đi nhiều nơi sau đó mang tiền về cất tại ngăn kéo bàn trang điểm trong phòng ngủ của bị cáo. Ngăn kéo bàn và cửa phòng ngủ của bị cáo không khóa. Từ thời điểm đập lợn đến khi cho tiền vào ngăn kéo bị cáo không kiểm đếm số tiền bị cáo đã trộm cắp nên không biết được cụ thể số tiền bị cáo đã trộm cắp của bà T là bao nhiêu. Khi Cơ quan Công an triệu tập lên làm việc bị cáo đã tự nguyện cùng lực lượng công an về nhà bị cáo để lấy số tiền bị cáo trộm cắp được của bà T để trong ngăn kéo bàn trang điểm của bị cáo ra kiểm đếm rồi giao nộp cho cơ quan công an. Lúc này bị cáo kiểm đếm được tổng số tiền là 5.100.000 đồng nên trước đây bị cáo nghĩ số tiền bị cáo đã trộm cắp được tại gia đình bà T là 5.100.000 đồng. Bị cáo biết bà T tiết kiệm tiền trong con lợn đất khoảng 6 đến 7 tháng nay, để khi cần thì

sử dụng. Bị cáo có vài lần nhìn thấy chị T, bà T cho tờ tiền 200.000 đồng vào con lợn. Việc bà T trình bày số tiền bị mất khoảng 42.000.000 đồng nay bị cáo nhận thấy có khi trong quá trình bị cáo cho tiền vào túi đi chợ hoặc đi đường bị rơi, cũng có thể do bị cáo để tiền trong ngăn kéo ở nhà bị cáo bị ai lấy mất. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo có nhờ gia đình bồi thường số tiền trên cho bà T nên bố bị cáo đã bồi thường số tiền trên, số tiền bà T thực tế nhận là 42.100.000 đồng bị cáo hoàn toàn nhất trí không yêu cầu bà T trả lại số tiền 100.000 đồng này.

Tại bản cáo trạng số 62/CT - VKSTPTB ngày 06/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố Trần Thị D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 50, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không đề nghị xử phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết. Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy: 01 quần vải dài; 01 áo khoác thể thao; 01 túi xách giả da màu đen; 06 mảnh vỡ bằng thạch cao, một mặt màu đỏ, một mặt màu trắng; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng : Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người làm chứng và còn được chứng minh bằng: Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ

hiện trường; Bản ảnh hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình lập ngày 13/12/2022; Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử và biên bản kiểm đếm mệnh giá và seri tiền ngày 13/12/2022 tại Công an phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định số 275/KL-KTHS ngày 03/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Kết luận giám định số 143/KL-KTHS ngày 24/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình và Phụ lục kèm theo cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 12/12/2022, tại nhà bà Nguyễn Thị T ở số nhà x, ngõ x, tổ x, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Trần Thị D có hành vi đập vỡ 01 con lợn đất bằng thạch cao màu đỏ để trộm cắp số tiền 42.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T mục đích chi tiêu cá nhân.

[3] Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Điều 173. Tội trộm cắp tài sản quy định: "*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."* Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội và gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo đã biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt, có nơi cư trú rõ ràng, nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục như đề nghị của Đại diện Viển kiểm sát cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân tốt. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 5.100.000 đồng Cơ quan điều đã đã quản lý của bị cáo, đã trả lại cho bà T. Gia đình bị cáo đã bồi thường cho bà T37.000.000 đồng. Bà T đã nhận đủ số tiền trên và không có ý kiến gì. Đối với 01 con lợn đất màu đỏ bằng thạch cao, đã bị vỡ bà T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Bà T và bị cáo không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 quần vải dài, kẻ caro màu đen trắng; 01 áo khoác thể thao nữ màu trắng; 01 túi xách giả da màu đen kích thước (23x20) cm trên phần khóa cài màu vàng có ghi dòng chữ "CHARLES & KEITH" quản lý của bị cáo, đều đã qua sử dụng, bị cáo đề nghị tịch thu tiêu hủy, 06 mảnh vỡ bằng thạch cao, một mặt màu đỏ, một mặt màu trắng quản lý của bà T, các tài sản này giá trị sử dụng không đáng kể nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38, Điều 65, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị D 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/4/2023.

Giao bị cáo Trần Thị D cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện X, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 quần vải dài, kẻ caro màu đen trắng; 01 áo khoác thể thao nữ màu trắng; 01 túi xách giả da màu đen kích thước (23x20) cm trên phần khóa cài màu vàng có ghi dòng chữ "CHARLES & KEITH" đã quản lý của bị cáo, 06 mảnh vỡ bằng thạch cao, một mặt màu đỏ, một mặt màu trắng đã quản lý của bà T.

(Vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ngày 07/4/2023).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/4/2023. Bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- CQCSĐT Công an thành phố Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện X, tỉnh Thái Bình;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương